

H, ngày 23 tháng 8 năm 2022

Số:135 /2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản, xã H, huyện M, tỉnh S.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện H, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2016, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 2000.000. đ (hai triệu đồng)/tháng, hai cháu là 4.000.000.đ (bốn triệu

đồng)/tháng, kể từ tháng 8 năm 2022 đến khi từng cháu thành niên lao động tự túc được hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đó nộp theo biên lai số AA/2020/0005014 ngày 01/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P. (Anh C đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2, điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, không nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H;
- UBND xã H;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Trịnh Đình Yên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả Tận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà ỏn nhõn đồn huyện nào Tộc tỉnh, thành phố trực Tộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực Tộc trung ương, thì ghi rõ Toà ỏn nhõn đồn tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả Tận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đó được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).